

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (BÁO CÁO RIÊNG CỦA NGÂN HÀNG)

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	01	16.495.209	6.737.439
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả (*)	02	(11.391.631)	(4.007.196)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	03	564.962	474.249
04	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	04	(102.006)	(109.370)
05	Thu nhập khác	05	20.984	147.807
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	06	13.441	27.812
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ (*)	07	(1.782.270)	(970.756)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)	08	(846.761)	(503.649)
			2.971.928	1.796.336
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động				
			(24.752.292)	(47.032.974)
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	09	(12.006.676)	(9.823.136)
10	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	10	(1.589.829)	(9.299.970)
11	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	11	16.848	(12.726)
12	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng	12	(12.317.614)	(23.963.859)
13	(Tăng)/ Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	13	(265.081)	-
14	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động	14	1.410.060	(3.933.283)
			48.639.593	63.444.176
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15	Tăng/ (Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN	15	(793.492)	494.773
16	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	16	38.489.848	30.841.939
17	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	17	(4.394.453)	19.384.233
18	Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	18	(1.643.796)	12.631.756
19	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	19	(1.417)	(4.959)
20	Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	20	157.140	-

21	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động	21	16.914.446	134.441
22	Chi từ các quỹ của TCTD (*)	22	(88.683)	(38.007)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		26.859.229	18.207.538
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
01	Mua sắm tài sản cố định (*)	23	(682.515)	(482.584)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	24	363.922	247.207
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)	25	-	-
04	Mua sắm bất động sản đầu tư (*)	26	-	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	27	-	-
06	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư (*)	28	-	-
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác) (*)	29	(573.150)	(609.752)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)	30	247.612	55.161
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31	(22.863)	11.664
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(666.994)	(778.304)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	32	-	-
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	33	-	-
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác (*)	34	-	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia (*)	35	(158.401)	(352.003)
05	Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ (*)	36	-	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	37	-	-
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(158.401)	(352.003)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		26.033.834	17.077.231
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	38	32.120.751	15.043.520
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(342)	-
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	38	58.154.244	32.120.751

LẬP BẢNG



Phạm Thanh Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

Tp, HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH THỊ THU THẢO